

Số: 103 /QĐ-UBND

An Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính
của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã,
thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2022”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của
các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương” giai đoạn 2022 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh An
Giang giai đoạn 2021 - 2030.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2478/TTr-SNV ngày
30 tháng 12 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án: “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các
sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh
An Giang năm 2022”, với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Xác định Chỉ số cải cách hành chính (gọi tắt là Chỉ số CCHC) để theo dõi,
đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022 của
các sở, ban, ngành tỉnh (gọi tắt là cấp sở); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã,
thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện).

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng được Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp sở, UBND cấp huyện theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của từng cơ quan, đơn vị.
- Xác định được thang điểm, phương pháp đánh giá cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó xác định được Chỉ số CCHC của từng cơ quan, đơn vị.
- Xây dựng được bộ câu hỏi xã hội học theo từng nhóm đối tượng để điều tra, khảo sát phục vụ xác định Chỉ số CCHC;
- Tổ chức triển khai xác định, công bố Chỉ số CCHC của cấp sở, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Chỉ số CCHC phải bám sát nội dung của Chương trình tổng thể Cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch CCHC năm 2022.
- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm chung nhất của cấp sở, UBND cấp huyện. Kết quả đánh giá Chỉ số CCHC phải khách quan, phản ánh được thực tế mức độ hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.
- Tăng cường sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị.
- Hình thành hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng, đánh giá, xếp hạng Chỉ số CCHC:

- Các sở, ban ngành: Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Ngoại vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

c) Đối tượng áp dụng, đánh giá nhưng không xếp hạng Chỉ số CCHC:

- Thanh tra tỉnh.

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Chỉ số CCHC cấp sở

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp sở:

Cấu trúc thành 9 lĩnh vực đánh giá, 30 tiêu chí và 51 tiêu chí thành phần.

Cụ thể:

TT	Lĩnh vực theo dõi, đánh giá	Số lượng tiêu chí	Tiêu chí thành phần	Điểm
1	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	5	5	12
2	Cải cách thể chế	3	5	6
3	Cải cách thủ tục hành chính	5	10	13
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	3	5	6
5	Cải cách chế độ công vụ	3	9	9
6	Cải cách tài chính công	3	6	6
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	4	7	10
8	Công tác văn thư, lưu trữ	4	4	6
9	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính (SIPAS)			32
	Tổng cộng			100

b) Thang điểm đánh giá:

- Tổng điểm: 100 điểm.
- Điểm tự đánh giá/thẩm định: 68 điểm.
- Điểm điều tra xã hội học (SIPAS): 32 điểm.

** Bộ tiêu chí và thang điểm đánh giá Chỉ số CCHC cấp sở được xác định cụ thể tại Bảng 1 đính kèm theo Quyết định này.*

2. Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC UBND cấp huyện:

Cấu trúc thành 9 lĩnh vực đánh giá, 30 tiêu chí và 51 tiêu chí thành phần.
Cụ thể:

TT	Lĩnh vực theo dõi, đánh giá	Số lượng tiêu chí	Tiêu chí thành phần	Điểm
1	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	5	5	12
2	Cải cách thể chế	3	5	6
3	Cải cách thủ tục hành chính	5	10	13
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	3	5	6
5	Cải cách chế độ công vụ	3	9	9
6	Cải cách tài chính công	3	6	6
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	4	7	10
8	Công tác văn thư, lưu trữ	4	4	6
9	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính (SIPAS)			32
	Tổng cộng			100

b) Thang điểm đánh giá:

- Tổng điểm: 100 điểm.
- Điểm tự đánh giá/thẩm định: 68 điểm.
- Điểm điều tra xã hội học (SIPAS): 32 điểm.

** Bộ tiêu chí và thang điểm đánh giá Chỉ số CCHC UBND cấp huyện được xác định cụ thể tại Bảng 2 đính kèm theo Quyết định này.*

3. Phương pháp đánh giá

a) Tự đánh giá:

- Cấp sở, UBND cấp huyện tự đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm của cơ quan, đơn vị theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bảng 1, 2 tương ứng vào cột “điểm tự đánh giá”.

- Cập nhật điểm vào hệ thống phần mềm Chấm điểm Chỉ số CCHC và đính kèm các tài liệu, văn bản có liên quan với tiêu chí đánh giá.

b) Thẩm định:

Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập tiến hành thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xem xét công nhận hoặc không công nhận “điểm tự đánh giá” của cơ quan, đơn vị. Kết quả thể hiện tại cột “điểm thẩm định”, là kết quả dùng để xác định Chỉ số CCHC.

c) Điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng (SIPAS)

- Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “ghi chú” của Bảng 1, 2. Việc điều tra để lấy ý kiến đánh giá của người dân, tổ chức, do Sở Nội vụ chủ trì thực hiện.

- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại lĩnh vực 9 trong Bảng 1, 2 tương ứng với cấp sở, UBND cấp huyện.

4. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tổng của Điểm thẩm định và Điểm điều tra xã hội học SIPAS:

$$\text{Chỉ số CCHC} = [\text{Điểm thẩm định}] + [\text{Điểm SIPAS}]$$

- Các Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định bằng tỷ lệ phần trăm % giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí:

$$\text{Chỉ số thành phần từng lĩnh vực} = \frac{[\text{Điểm thẩm định}] \times 100\%}{[\text{Điểm tối đa}]}$$

a. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị

- Các cơ quan, đơn vị căn cứ Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022, thường xuyên theo dõi, đôn đốc triển khai đúng tiến độ và chất lượng công việc, các đề án, dự án theo chức năng, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Phân công nhiệm vụ cho công chức thực hiện cải cách hành chính để tham mưu triển khai, theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của cơ quan, địa phương một cách thường xuyên. Theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính một cách thường xuyên, liên tục, bảo đảm trung

thực, khách quan trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính.

b. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số CCHC

Việc tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, nội dung của Chỉ số CCHC để nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, cũng như nâng cao hiểu biết, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong công tác cải cách hành chính và trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

c. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai xác định Chỉ số CCHC

Ứng dụng Công nghệ thông tin trong đánh giá, chấm điểm, điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC một cách chính xác, khách quan. Xây dựng cơ sở dữ liệu về Chỉ số CCHC để đảm bảo tính hệ thống trong công tác theo dõi, đánh giá các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí triển khai Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

- Kinh phí triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với cấp sở, UBND cấp huyện do ngân sách tỉnh đảm bảo.

- Kinh phí triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với UBND cấp xã do ngân sách UBND cấp huyện đảm bảo.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với cấp sở và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh năm 2022.

- Chủ trì tổ chức thực hiện, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc cấp sở và UBND cấp huyện triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC, bao gồm:

- + Tổ chức triển khai, hướng dẫn công tác tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của cấp sở, cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

- + Xây dựng các phương án triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính.

- + Tổng hợp, xử lý số liệu, xây dựng Báo cáo Chỉ số CCHC.

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC để thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị và báo cáo phân tích kết quả thẩm định.

- Vận hành và tập huấn sử dụng phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC có hiệu quả.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 đối với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh và tổ chức hội nghị công bố.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các tập thể đạt thứ hạng cao theo Quyết định công bố kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022.

- Thường xuyên rà soát nội dung của Đề án xác định Chỉ số CCHC, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ và tình hình thực tế của tỉnh.

2. Sở Tài chính

Căn cứ Kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan đơn vị và địa phương có liên quan xem xét, có ý kiến về dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối, trên cơ sở lồng ghép với kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương, cập nhật lên hệ thống phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Các sở, ban, ngành cử cán bộ, công chức tham gia Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC theo đề nghị của Sở Nội vụ.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Đề án xác định Chỉ số CCHC năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, xây dựng và triển khai Đề án xác định Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động cân đối, lồng ghép trong kinh phí chi thường xuyên, các Chương trình, Dự án và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện; đồng thời, chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2022”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ - Vụ CCHC;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

Đính kèm theo Quyết định này:

- Bảng 1 - Chỉ số CCHC cấp sở;
- Bảng 2 - Chỉ số CCHC UBND cấp huyện.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình